

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2015/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 21 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,
công chức, viên chức thuộc tỉnh Điện Biên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND&UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức; Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 19/2014/TT-BNV ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nội vụ Quy định, hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức; Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức; Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1434/TTr-SNV ngày 16/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp, các đơn vị được Nhà nước giao biên chế, số lượng người làm việc và hỗ trợ kinh phí hoạt động thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Mùa A Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2015/QĐ-UBND ngày 21/10/2015

của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức hành chính;
2. Viên chức sự nghiệp;
3. Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;
4. Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố;
5. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã.

Sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức; viết tắt là CBCCVC.

Điều 3. Mục tiêu và nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC

1. Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC

Trang bị kiến thức về lý luận chính trị, kỹ năng quản lý hành chính nhà nước; chuyên môn nghiệp vụ; kiến thức ngoại ngữ, tin học, hội nhập kinh tế quốc tế, tiếng dân tộc và các kiến thức bổ trợ khác nhằm xây dựng đội ngũ CBCCVC có phẩm chất đạo đức tốt; thành thạo về chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả công tác; có năng lực điều hành và thực thi công vụ, đủ khả năng thích ứng khi tham gia hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền hành chính tiên tiến, hiện đại và tạo nguồn cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp.

2. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC

a) Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, theo nhu cầu phục vụ nhiệm vụ được giao, tiêu chuẩn nghiệp vụ của từng ngạch công chức, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị

và của tỉnh, đào tạo, bồi dưỡng phải gắn với quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

b) Bảo đảm tính tự chủ, công khai, minh bạch, hiệu quả của cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng CBCCVC trong thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC.

c) Kết hợp cơ chế phân cấp với cơ chế cạnh tranh trong tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, đề cao vai trò tự học và quyền của CBCCVC trong việc lựa chọn hình thức, chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng phù hợp.

d) Việc cử CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng không ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cơ quan, đơn vị.

e) Tuyển chọn cử CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài, Quốc gia được chọn cử đến đào tạo, bồi dưỡng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đạt được những thành tựu tiến tiến trong lĩnh vực quản lý hành chính, kinh tế, kỹ thuật.

- Có kinh nghiệm quản lý về lĩnh vực cần học tập, nghiên cứu, phù hợp với điều kiện và có thể áp dụng cho tỉnh.

- Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của nước được cử đến học tập, bồi dưỡng phải có các điều kiện học tập, nghiên cứu, phương pháp giảng dạy đáp ứng được mục đích, nội dung, chương trình của khóa đào tạo, bồi dưỡng.

Chương II

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, QUYỀN LỢI, TRÁCH NHIỆM CỦA CBCCVC ĐƯỢC CỬ ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 4. Tiêu chuẩn chung

1. Trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết, hợp tác, có trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ.

3. Lý lịch rõ ràng, đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu tuyển sinh của cơ sở đào tạo.

4. Đúng yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh đảm nhận, phát huy được năng lực chuyên môn của CBCCVC sau khi được đào tạo, bồi dưỡng.

5. Có triển vọng phát triển, trong quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bố trí, sắp xếp, luân chuyển CBCCVC và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị.

6. Không xem xét cử đi đào tạo, bồi dưỡng đối với các trường hợp CBCCVC không hoàn thành nhiệm vụ hoặc đang trong thời gian xét kỷ luật, đình chỉ công tác, đối tượng đang bị điều tra, trong thời gian thi hành kỷ luật.

Điều 5. Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể đối với CBCCVV được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước

1. Đối với cán bộ, công chức được cử đi đào tạo trong nước

a) Cán bộ, công chức được cử đi đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học (kể cả văn bằng 2) cần đáp ứng đủ các điều kiện thuộc một trong các trường hợp sau:

- Cơ quan, đơn vị được tổ chức, sắp xếp lại; có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ít nhất gấp 2 (hai) lần thời gian đào tạo

- Cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm theo quy định; có thời gian công tác ít nhất từ đủ 03 năm trở lên đối với cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện và đủ 02 năm trở lên đối với cán bộ, công chức cấp xã; có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ít nhất bằng 2 (hai) lần thời gian đào tạo.

b) Cán bộ, công chức được cử đi đào tạo sau đại học cần đáp ứng các điều kiện thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có thời gian công tác từ đủ 5 (năm) năm trở lên được cử đi đào tạo sau đại học nếu đáp ứng đủ các điều kiện:

+ Không quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo (chỉ áp dụng điều kiện này đối với trường hợp cử đi đào tạo sau đại học lần đầu).

+ Có ít nhất 3 (ba) năm liên kế với năm được cử đi đào tạo liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ Có cam kết tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, công vụ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 3 (ba) lần thời gian đào tạo.

- Cán bộ, công chức từ đủ 3 (ba) năm đến dưới 05 năm công tác có thể được cử đi đào tạo sau đại học nếu đáp ứng đủ các yêu cầu:

+ Đáp ứng điều kiện về tuổi đời (không quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo), yêu cầu vị trí việc làm, có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ sau đào tạo theo quy định.

+ Được tuyển dụng trong các trường hợp đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; hoặc có 2 (hai) năm liên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên.

- Không áp dụng các điều kiện quy định tại tiết thứ nhất, thứ hai điểm b khoản 1 Điều 5 quy chế này đối với các trường hợp cán bộ, công chức thuộc diện quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp.

(Thời gian công tác được tính từ khi có quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm vào ngạch công chức, không tính thời gian tập sự).

2. Đối với viên chức được cử đi đào tạo trong nước

a) Viên chức được cử đi đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học (kể cả văn bằng 2) cần đáp ứng đủ các điều kiện thuộc một trong các trường hợp sau:

- Do sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp công lập; có cam kết tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại đơn vị sự nghiệp công lập sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ít nhất gấp 2 (hai) lần thời gian đào tạo.

- Để đáp ứng yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong các ngành đặc thù; có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp viên chức; có thời gian công tác ít nhất đủ 3 (ba) năm trở lên (không tính thời gian tập sự); có cam kết tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại đơn vị sự nghiệp công lập sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ít nhất gấp 2 (hai) lần thời gian đào tạo.

b) Viên chức được cử đào tạo sau đại học

- Chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu chức danh nghề nghiệp.

- Có năng lực và trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài.

- Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại đơn vị sự nghiệp công lập sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 2 (hai) lần thời gian đào tạo.

- Không quy định thời gian công tác nhưng phải hết thời gian tập sự và được cấp có thẩm quyền quản lý viên chức ra quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp.

3. CBCCVC được cử đi bồi dưỡng trong nước

Không quy định điều kiện, tiêu chuẩn về độ tuổi và thời gian công tác đối với CBCCVC khi tham gia bồi dưỡng Lý luận chính trị; chuyên môn, nghiệp vụ; kiến thức pháp luật; kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước và quản lý chuyên ngành; kỹ năng lãnh đạo quản lý; các nguyên tắc về hoạt động nghề nghiệp; đạo đức nghề nghiệp; kiến thức bổ trợ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; kiến thức hội nhập quốc tế; tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc...

4. Tự tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng (tự túc kinh phí)

a) Khuyến khích CBCCVC tự tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhiệm.

b) CBCCVC không nằm trong quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan đơn vị được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở tất cả các loại hình, hệ đào tạo, bồi dưỡng phải tự túc toàn bộ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng.

c) CBCCVC tự tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng, tự túc kinh phí mà có ảnh hưởng đến thời gian làm việc tại cơ quan, đơn vị công tác hoặc học ngoài giờ hành chính, trước khi đi học đều phải được sự nhất trí bằng văn bản của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng CBCCVC theo phân cấp quản lý.

Điều 6. Điều kiện tiêu chuẩn cụ thể đối với CBCCVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài**1. Đào tạo ở nước ngoài**

a) Cán bộ, công chức được cử đi học sau đại học ở nước ngoài nếu đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại tiết thứ nhất, thứ hai điểm b khoản 1 Điều 5 quy chế này trừ trường hợp cán bộ, công chức được cử đi học theo các chương trình hợp tác với nước ngoài được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước và nhân danh Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế hoặc cán bộ, công chức thuộc diện quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp.

b) Viên chức được cử đi học sau đại học theo các chương trình hợp tác với nước ngoài được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngoài các quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Quy chế này còn phải thực hiện các quy định của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế và đáp ứng các yêu cầu khác của chương trình hợp tác.

2. Bồi dưỡng ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách Nhà nước

a) Đối với các khóa bồi dưỡng có thời gian dưới 2 (hai) tháng, CBCCVC phải còn đủ tuổi để công tác ít nhất 1 (một) năm tính từ khi khóa bồi dưỡng bắt đầu.

b) Đối với các khóa bồi dưỡng có thời gian từ 2 (hai) tháng trở lên, CBCCVC phải còn đủ tuổi để công tác ít nhất là 5 (năm) năm tính từ khi khóa bồi dưỡng bắt đầu.

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm trước đó.

d) Có chuyên môn nghiệp vụ hoặc lĩnh vực quản lý phù hợp với nội dung của khóa bồi dưỡng.

e) Có sức khỏe tốt.

g) Không áp dụng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này trong trường hợp CBCCVC được cử đi bồi dưỡng sử dụng nguồn kinh phí khác.

3. Không xét cử CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài thuộc một trong những trường hợp quy định tại Điều 21 Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

Điều 7. Quyền lợi và trách nhiệm của CBCCVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng**1. Quyền lợi**

a) CBCCVC được cơ quan, đơn vị cử đi đào tạo, bồi dưỡng bố trí thời gian, chi trả kinh phí, chế độ hỗ trợ học tập (nếu có) theo quy định hiện hành.

b) Thời gian đào tạo, bồi dưỡng được tính vào thời gian công tác liên tục, được xét nâng lương, khen thưởng hàng năm theo quy định của pháp luật.

- c) Được hưởng nguyên lương, phụ cấp trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng.
- d) Được biểu dương, khen thưởng về kết quả xuất sắc trong đào tạo, bồi dưỡng.
- e) Cán bộ, công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được hưởng quyền lợi quy định tại điểm b khoản 1 điều này và quyền lợi khác theo quy định của pháp luật; viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được hưởng quyền lợi theo quy định của pháp luật và quy chế của cơ quan, đơn vị.

2. Trách nhiệm

a) CBCCVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải nỗ lực học tập, chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tham gia khóa học; báo cáo kế hoạch học tập theo chương trình khóa học và kết quả học tập cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng CBCCVC sau mỗi kỳ học và sau khi tổng kết khóa học.

b) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ đã cam kết, chấp hành sự phân công công tác của cấp có thẩm quyền, của cơ quan, đơn vị.

c) CBCCVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng mà tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc thôi việc trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc không được cấp văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đã hoàn thành khóa học do nguyên nhân chủ quan; CBCCVC được cử đi đào tạo từ trình độ trung cấp trở lên sau khi hoàn thành khóa học tự ý bỏ việc hoặc chuyển công tác ra ngoài tỉnh hay cơ quan, đơn vị không thụ hưởng ngân sách của tỉnh vì lý do cá nhân mà chưa phục vụ đủ thời gian cam kết thì phải đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CBCCVC

Điều 8. Thẩm quyền quản lý đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC

1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC được quản lý thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh.

Điều 9. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC giai đoạn và hàng năm

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy hoạch; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hành chính, viên chức sự nghiệp và cán bộ, công chức cơ sở của tỉnh giai đoạn và hàng năm.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp, các đơn vị được nhà nước giao biên chế, số lượng người làm việc và hỗ trợ kinh phí hoạt động thuộc

UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC thuộc cơ quan, đơn vị mình quản lý gửi Sở Nội vụ để thẩm định, tổng hợp xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC chung của tỉnh.

Điều 10. Thẩm quyền ban hành quyết định cử CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng đối với các trường hợp sau:

a) CBCCVC thuộc diện Tỉnh uỷ quản lý sau khi có ý kiến đồng ý của Tỉnh uỷ theo phân cấp quản lý cán bộ.

b) CBCCVC đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài kể cả dài hạn và ngắn hạn.

c) CBCCVC tham gia bồi dưỡng quản lý Nhà nước chương trình chuyên viên cao cấp và tương đương.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp, các đơn vị được nhà nước giao biên chế, số lượng người làm việc và hỗ trợ kinh phí hoạt động thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định cử CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đã được phê duyệt đối với các trường hợp sau (trừ các đối tượng thuộc khoản 1 Điều 10 Quy chế này):

a) CBCCVC đi đào tạo sau đại học; Bác sĩ chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, Dược sĩ chuyên khoa cấp I, Dược sĩ chuyên khoa cấp II; CBCCVC đi bồi dưỡng chương trình Chuyên viên chính và tương đương thuộc lĩnh vực ngành sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ.

b) CBCCVC đi đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng, Đại học chuyên môn ở tất cả các loại hình, hệ đào tạo.

c) CBCCVC đi bồi dưỡng quản lý Nhà nước chương trình chuyên viên hoặc tương đương thuộc lĩnh vực ngành.

d) CBCCVC đi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ, các kiến thức bổ trợ khác...vv.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị cử CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng

Các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng CBCCVC căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn tại Điều 4, 5, 6 Quy chế này chọn cử CBCCVC trong quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tham gia dự thi hoặc xét tuyển theo phân cấp quản lý cán bộ, sau khi trúng tuyển lập hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định cử đi học gồm:

1. Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng CBCCVC, ghi rõ đối tượng được cử đi đào tạo, bồi dưỡng thuộc diện quy hoạch đào tạo và hướng bố trí sau khi đào tạo, bồi dưỡng (nếu có), kèm danh sách trích ngang CBCCVC.

2. Thông báo chiêu sinh; kết quả trúng tuyển, giấy báo nhập học của cơ sở đào tạo.

3. Đơn đề nghị được cử đi học (có cam kết cá nhân) của CBCCVC, có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý.

4. Bản đánh giá công tác 03 năm liên tiếp trước thời điểm đề nghị được cử đi học đối với trường hợp được cử đi học sau đại học.

5. Văn bản quy hoạch cán bộ của cấp có thẩm quyền (bản phô tô) đối với các trường hợp phải áp dụng quy định này.

Điều 12. Quản lý nội dung chương trình tài liệu đào tạo, bồi dưỡng

1. Việc quản lý chương trình tài liệu đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo phân cấp quy định tại Điều 9 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 5 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức và Điều 8 Thông tư số 19/2014/TT-BNV ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nội vụ Quy định, hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức.

2. Tổ chức biên soạn tài liệu đào tạo, bồi dưỡng

a) Trường Chính trị tỉnh tổ chức biên soạn tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch cán sự và tương đương, ngạch chuyên viên và tương đương, ngạch chuyên viên chính và tương đương; tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng theo chương trình do Bộ Nội vụ ban hành; phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ biên soạn tài liệu bồi dưỡng kiến thức kỹ năng chuyên ngành, trình cấp có thẩm quyền thẩm định theo quy định.

b) Việc biên soạn nội dung chương trình, tài liệu bồi dưỡng phải đáp ứng yêu cầu tại Điều 8 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 03 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

c) Trường hợp chưa đủ điều kiện biên soạn thì sử dụng các tài liệu mẫu do Bộ Nội vụ hoặc các Bộ, ngành Trung ương ban hành.

3. Thẩm định chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng

Trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định, đánh giá chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng do cơ sở đào tạo của tỉnh soạn thảo hoặc phối hợp soạn thảo thực hiện quy định tại Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

4. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng

Ngoài các chương trình đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC theo kế hoạch công tác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các chương trình đào tạo, bồi dưỡng do cơ quan, đơn vị phối hợp với các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh phải được sự nhất trí của cơ quan quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng theo phân cấp quản lý trước khi tổ chức thực hiện.

Điều 13. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Nguồn kinh phí thực hiện đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC được sử dụng từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp; kinh phí của cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng cử

CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng; kinh phí của cá nhân CBCCVC và tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, CBCCVC được thực hiện theo Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

2. Phân cấp quản lý kinh phí

a) Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã cử cán bộ công chức viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng có trách nhiệm cân đối sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên trong dự toán hàng năm, kinh phí hoạt động của các đơn vị sự nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để hỗ trợ cho các đối tượng được cử đi đào tạo bồi dưỡng theo chính sách hiện hành.

b) Đối với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chung của tỉnh Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng phương án phân bổ dự toán kinh phí chi tiết theo từng nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC, theo đơn vị thực hiện gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình, đề án Trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Trung ương, trường hợp không có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo phân cấp hiện hành của tỉnh.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CBCCVC

Điều 14. Trách nhiệm của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

1. Hàng năm, trước ngày 01 tháng 6 các cơ quan, đơn vị căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức viên chức giai đoạn của tỉnh và nhu cầu của đơn vị để xác định nhu cầu, xây dựng kế hoạch cho năm sau và dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý gửi về Sở Nội vụ để thẩm định, tổng hợp, phối hợp với cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Cân đối nguồn kinh phí được phân bổ hàng năm để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC theo kế hoạch và chính sách hỗ trợ; sắp xếp, bố trí cử CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng đúng đối tượng theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt, đúng chuyên ngành, lĩnh vực và bố trí công việc phù hợp với trình độ chuyên môn CBCCVC sau đào tạo, bồi dưỡng; tổ chức đánh giá chất lượng CBCCVC sau đào tạo, bồi dưỡng.

3. Đảm bảo các chế độ đào tạo, bồi dưỡng đối với CBCCVC theo quy định; theo dõi, giám sát quá trình học tập của CBCCVC thuộc phạm vi quản lý.

4. Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng CBCCVC có trách nhiệm thu hồi các khoản chi phí do CBCCVC đền bù khi vi phạm các quy định về đào tạo, bồi dưỡng. (Cách tính chi phí đền bù, quy trình thủ tục đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định của Pháp luật).

5. Đề xuất việc biên soạn và lựa chọn chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với vị trí việc làm của CBCCVC; tạo điều kiện để CBCCVC thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

6. Quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hành chính, viên chức sự nghiệp và cán bộ, công chức cơ sở trên phạm vi toàn tỉnh.

a) Hướng dẫn, thẩm định, tổng hợp; phối hợp với cơ sở đào tạo và các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC hàng năm và từng giai đoạn trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch chung của tỉnh.

b) Xây dựng và trình UBND tỉnh kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC ở trong nước và nước ngoài bằng nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh theo các chương trình, dự án hoặc các nguồn tài trợ khác

c) Phối hợp với cơ quan có liên quan dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của tỉnh trong đó chi tiết theo từng nhiệm vụ, Đề án, Dự án đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC (bao gồm cả nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài), theo đơn vị thực hiện, theo nguồn ngân sách (ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương hỗ trợ, các nguồn kinh phí khác) gửi Sở Tài chính thẩm định và tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

d) Lập dự toán và quản lý kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình Trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh hoặc đề án, dự án của tỉnh; quản lý kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch, kỹ năng lãnh đạo quản lý, kiến thức bổ trợ do ngân sách địa phương bố trí theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ; tổ chức thực hiện các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo văn bản hướng dẫn cụ thể của từng chương trình, dự án và phân công nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC theo quy định.

b) Thực hiện công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng đối với CBCCVC theo phân cấp quản lý cán bộ.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị và cơ sở đào tạo tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chế độ, chính sách khuyến khích CBCCVC của tỉnh học tập để nâng cao trình độ, năng lực công tác.

4. Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan kiểm tra định kỳ, đột xuất, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng thuộc thẩm quyền đảm bảo đạt được các chỉ tiêu được giao, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ quy định.

5. Tổ chức các hoạt động thi đua, khen thưởng, kỷ luật về công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC theo quy định hiện hành.

6. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo (định kỳ hoặc đột xuất) kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của các cơ quan, đơn vị với Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Cân đối ngân sách, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; phương án phân bổ dự toán kinh phí chi tiết theo từng nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC, theo đơn vị thực hiện, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

Hàng năm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, các sở, ngành liên quan cân đối ngân sách, ưu tiên bố trí kinh phí tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đương nhiệm; đào tạo cán bộ nguồn; đào tạo cán bộ là người dân tộc thiểu số. Những ngành, nghề, lĩnh vực dư thừa không bố trí ngân sách đào tạo, bồi dưỡng.

Là cơ quan đầu mối tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, quản lý, phân bổ, quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Nội vụ

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chỉ tiêu dự toán kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC cho các cơ sở đào tạo và cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện theo quy định (theo yêu cầu của từng chương trình, dự án).

b) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC, chính sách thu hút nguồn nhân lực cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

3. Hướng dẫn xây dựng dự toán, thẩm định, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của các cơ quan, đơn vị theo kế hoạch được giao.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Quản lý, thanh tra, kiểm tra các cơ sở đào tạo theo quy định hiện hành.

2. Phối hợp với các cơ sở đào tạo và các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC đối với các nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Sở.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc tỉnh

1. Phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của tỉnh hàng năm và từng giai đoạn.

2. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của tỉnh chủ động phối hợp với Sở Nội vụ và các ngành liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng tiến độ, đúng đối tượng và mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng.

3. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cho CBCCVC theo đúng nội dung, chương trình, giáo trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hướng dẫn chuyên môn của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh hoặc các Bộ, Ngành Trung ương.

4. Liên kết với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài tỉnh để tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng đối với các chuyên ngành, lĩnh vực mà nhà trường và các cơ sở đào tạo chưa đủ điều kiện đảm nhận nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC, nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

5. Tổ chức biên soạn chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng thuộc thẩm quyền, gửi tài liệu đã được biên soạn cho Hội đồng thẩm định theo quy định và phối hợp chặt chẽ với cơ quan giúp việc trong quá trình tổ chức thẩm định; đồng thời tổ chức thực hiện giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

6. Đề xuất kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền cho phép chỉnh lý, bổ sung hoàn thiện giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC cho phù hợp.

7. Cập nhật, nghiên cứu đổi mới nội dung, chương trình, nâng cao chất lượng giảng dạy; đổi mới phương thức đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC cho tỉnh trong từng thời kỳ.

8. Quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đúng quy định.

Chương V

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 19. Chế độ thông tin báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC

1. Định kỳ 06 tháng và hàng năm, các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Thời gian gửi báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC về Sở Nội vụ trước ngày 15 tháng 5 đối với báo cáo 6 tháng và ngày 15 tháng 12 đối với báo cáo năm.

Điều 20. Chế độ kiểm tra, giám sát

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất, đánh giá tình hình thực hiện các nội dung của Quy chế, kế hoạch, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của các cơ quan, đơn vị để bảo đảm đạt được các chỉ tiêu được giao, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ quy định.

Điều 21. Khen thưởng, kỷ luật

Các cá nhân và tổ chức có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC được xét khen thưởng theo Quy định của pháp luật về thi đua - Khen thưởng; nếu có sai phạm chịu các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

**Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 22. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp, các đơn vị được nhà nước giao biên chế, số lượng người làm việc và hỗ trợ kinh phí hoạt động thuộc UBND tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Mùa A Sơn